

Ngày báo cáo 07/05/2009

Tổng Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí (PTSC)

Sàn niêm yết: Hasc

Ticker: PVS

Kết quả hoạt động kinh doanh Quý 1/2009 và khuyến nghị đầu tư

Kết luận đầu tư:

Ngày 25/04/2009 PTSC đã tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên năm 2009, qua đó Công ty đưa ra kế hoạch kinh doanh cho cả năm 2009 với doanh thu dự kiến đạt 9,500 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 400 tỷ đồng và tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến là 15%. Với kết quả kinh doanh ấn tượng trong năm 2008 và Quý 1 2009 (doanh thu tăng gần 50% so với cùng kỳ) trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, PTSC được giới đầu tư đánh giá khá tốt trong ngành Dầu khí và so với các doanh nghiệp niêm yết trên sàn. Có được kết quả như vậy là nhờ trong năm qua Công ty đã ký được nhiều hợp đồng lớn trong đó phải kể đến là dự án của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất. Ngoài ra những dự án cung cấp dịch vụ như mỏ Sư Tử Đen (US\$190 million), Starling (US\$60 million), mỏ Tê Giác Trắng, FSO5, FSO Orkid, and FPSO Ruby IIhứa hẹn sẽ mang về cho PTSC nguồn doanh thu khá tốt.

Năm nay PVS có kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 1,750 tỷ đồng lên 2,000 tỷ đồng. Cổ tức năm 2008 là 15% bằng tiền mặt, trong đó 10% đã tạm ứng trước, 5% còn lại dự kiến sẽ chi trả vào cuối tháng này. Về xu hướng giá dầu, theo nhận định trên tờ báo Walsheet Journal của Mỹ gần đây dự báo giá dầu thô sẽ đạt mức trên 70 vào cuối năm nay, so với giá hiện tại thì giá dầu thô đang có xu hướng lên, đây là yếu tố hỗ trợ tốt cho PTSC trong việc cung cấp dịch vụ.

Nền kinh tế trong nước đang có dấu hiệu phục hồi trong tháng đầu tiên của Q2. Mức giá hiện tại của PTSC là 31,000 đ/cp đã giảm 29% so với cùng kỳ 2008. Mức giá hợp lý chúng tôi khuyến nghị mua vào là 25 - 35 ngàn đồng/cp cho kế hoạch đầu tư dài hạn với dự báo HASTC index cuối năm đạt mức 200 điểm.

Chỉ tiêu tài chính cơ bản (triệu đồng)	2006	2007	2008	Q1/2009	2009F*
Doanh thu thuần	4,497,247	5,775,687	8,671,262	1,847,498	9,500,000
Lợi nhuận từ HĐKD (EBIT)	268,167	325,284	468,253	76,892	na
Lợi nhuận sau thuế	172,820	319,143	537,219	85,255	341,000
EPS (đồng)	4,747	3,191	4,955	6,870	2,478
EPS điều chỉnh (đồng)*	4,747	3,191	3,223	na	2,305
Tăng trưởng EPS	na	-32.8%	55.3%	na	-50.0%
Giá trị sổ sách (đồng)	26,934	11,429	12,842	13,302	13,291
Giá cổ phiếu (đồng)(**)	na	121,300	31,000	31,000	46,500
P/E tại mức giá hiện tại x	na	9.87	6.8	4.5	13
P/B tại mức giá hiện tại	na	10.6	2.41	2.33	3.50
Tỷ lệ cổ tức	14%	14%	15%		15%
ROE	17.63%	27.92%	23.90%	3.66%	12.83%
ROA	5.25%	6.46%	5.57%	1.17%	na

(F*): dự báo dựa trên báo cáo ĐHCĐ và dự báo của VCBS

(*): thu nhập cp sau khi trừ lợi nhuận cho quỹ khen thưởng, phúc lợi

(**): Giá thị trường mỗi cp tại thời điểm cuối năm hoặc cuối quý



Mua

Giá hiện tại ('000 đ)

31

Giá mua vào ('000 đ)

25 - 35

VN Index

350

Biểu đồ giá cổ phiếu



Thông tin cổ phiếu (07/05/2009)

Khoảng giá 52 tuần ('000 đ)	13.7 - 40.6
Thị giá vốn (tỷ đồng)	5,425
Khối lượng giao dịch BQ	30
Số CP đang lưu hành (triệu cp)	175
Tỷ lệ cổ tức (2008)	15%
EPS đồng	6,870
ROA (2008)	5.57%
ROE (2008)	23.90%
Đòn bẩy tài chính	2.54
PE	4.5
Beta	1.4

Biểu đồ giá Dầu thô (7th May 2009) - Nymex



Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thị Thanh Nga

Email: Nttnga-hcm@vcbs.com.vn

Tel: (84 - 8) 38 200 799 ext: 302

Chỉ tiêu tài chính cơ bản (triệu đồng)	2006	2007	2008	1Q2008	1Q2009	2009F	So sánh Q1/2009	
							Q1/2008	KH 2009
Tổng tài sản	4,669,663	4,812,248	7,982,085	4,591,044	8,405,646	na	83.1%	na
Tổng VCSH	980,494	1,142,917	2,247,377	1,211,108	2,327,896	na	92.2%	na
Vốn điều lệ	364,042	1,000,000	1,750,000	1,000,000	1,750,000	2,000,000	75.0%	87.5%
Doanh thu thuần	4,497,247	5,775,687	8,671,262	1,235,852	1,847,498	9,500,000	49.5%	19.4%
EBIT	268,167	325,284	468,253	82,852	76,892	na	-7.2%	na
Lãi/(lỗ) từ hoạt động tài chính	(23,218)	(14,249)	(23,374)	(16,961)	16,715	na		na
Lợi nhuận khác	5,431	6,686	82,185	2,107	1,425	na	-32.4%	na
Lợi nhuận trước thuế	250,380	319,143	539,862	67,997	97,711	na	43.7%	na
Lợi nhuận sau thuế	172,820	319,143	537,219	67,997	85,255	341,000	25.4%	25.0%
Tỷ suất LNST/VĐL	47.5%	31.9%	30.7%	na	na	17.1%	na	na
Tăng trưởng TTS	101%	3.1%	65.9%	na	na	na	na	na
Tăng trưởng doanh thu	38.6%	28.4%	50.1%	na	na	10%	na	na
Tăng trưởng VCSH	na	16.6%	96.6%	na	na	18.3%	na	na
Tăng trưởng LN trước thuế	13%	27.5%	69.2%	na	na	na	na	na
Tăng trưởng LN sau thuế	8%	84.7%	68.3%	na	na	-36.5%	na	na

Kết quả hoạt động kinh doanh trong Quý 1/2009 và dự báo cho Quý 2/2009

Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ cả quý đạt 1.847 tỷ đồng, tăng 49%. Kéo lợi nhuận gộp từ hoạt động này tăng 30%, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (EBIT) giảm 7.2% và lợi nhuận sau thuế đạt 85 tỷ đồng tăng 25% so cùng kỳ năm 2008. Sở dĩ EBIT có mức tăng trưởng âm và lợi nhuận sau thuế tăng trưởng thấp hơn tốc độ tăng doanh thu so với cùng kỳ năm ngoái là vì chi phí quản lý doanh nghiệp tăng đột biến (159%), và trong kỳ công ty phải trả thuế thu nhập (12.4 tỷ đồng), trong khi quý I/2008 thuế bằng 0.

So với kế hoạch năm 2009 đặt ra trong kỳ ĐHCĐ thì doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế đạt được trong Q1 tương đương lần lượt là 19.4% và 25%. Theo kế hoạch của Công ty đặt ra trong năm 2009 tăng trưởng doanh thu là 10% và dự báo khoảng 20% trong năm 2010. Với tốc độ tăng trưởng doanh thu luôn duy trì ở mức cao trên 30% trong 4 năm liên tiếp và gần 50% trong Quý I/2009 thì dự báo doanh thu trong Q2/2009 cũng sẽ rất khả quan khi mà hiện tại xu hướng tăng giá dầu thô đang là yếu tố hỗ trợ tốt cho PTSC. Bên cạnh đó, ngày 5/3/2009, PTSC đã ký thỏa thuận nguyên tắc cung cấp kho nổi chứa xuất dầu FSO - 5 cho Vietsopetro sử dụng sau khi hoàn thành đóng mới và dự kiến bàn giao trong Q2/2009. Dự án cung cấp dịch vụ này hứa hẹn mang lại nguồn doanh thu ổn định trong nhiều năm tới cho PTSC.

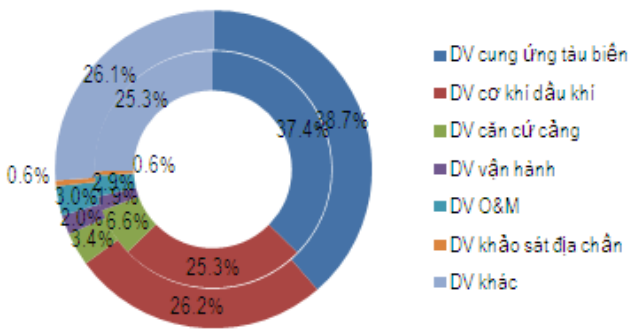
Thời điểm ngày 31/3 các khoản nợ phải trả chiếm 70% tổng nguồn vốn công ty và tăng 77% so với tổng nợ phải trả cùng kỳ năm 2008 do PTSC hiện nay đang đầu tư thực hiện các dự án lớn. Điều này phản ánh trong bảng cân đối kế toán khi giá trị xây dựng cơ bản dở dang trong Q1/2009 tăng hơn 300% so với Q1/2008. Với ưu thế được hỗ trợ về vốn đầu tư, PTSC được đánh giá cao trong hiệu quả sử dụng đòn bẩy tài chính, đạt 2.54 lần. Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) trong Q1/2009 đạt 6,870 đồng và chúng tôi dự tính EPS cuối năm 2009 của Công ty là 2,478 đồng, giảm 64% so với Q1 dựa trên yếu tố loãng giá vào thời điểm cuối năm theo kế hoạch phát hành thêm 25 triệu cổ phiếu của Công ty trong năm nay.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2008

Năm 2008, PVS báo cáo doanh thu thực hiện cả năm đạt 8,672 tỷ đồng (không bao gồm doanh thu nội bộ), đạt 133.2% kế hoạch cả năm, tăng 50% so với thực hiện năm 2007; Lợi nhuận sau thuế đạt 537 tỷ đồng, đạt 179.07% kế hoạch năm, tăng 68.33% so với thực hiện năm trước. Đặc biệt sự tăng trưởng mạnh về doanh thu diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế thế giới suy giảm, trong nước có nhiều biến động và nhu cầu trong lĩnh vực vận tải, dầu khí giảm mạnh. Đạt được kết quả trên là do trong năm 2008 PTSC đã thực hiện và ký được nhiều hợp đồng dịch vụ với giá trị lớn.

Cụ thể như:

- Dịch vụ cung ứng tàu chuyên ngành Dầu khí: ký và thực hiện 350 hợp đồng trong đó có Hợp đồng cung cấp tàu cho Cửa Long JOC trong 2 năm trị giá 63 triệu USD, cho Talisman trong 5—10 năm trị giá 56 triệu USD, cho Petronas trong 14 tháng trị giá 32 triệu USD, cho Thăng Long JOC trong 1 năm trị giá 18 triệu USD.

Cơ cấu doanh thu 2007 - 2008


Loại hình DV (tỷ đ)	DT 2008	LN 2008
DV cung ứng tàu biển	3,351	255
DV cơ khí dầu khí	2,270	63
DV căn cứ cảng	293.7	73
DV vận hành	173.5	6
DV O&M	262.1	9
DV khảo sát địa chấn	49.4	4
DV khác	2,263	59
Tổng cộng	8,663	468

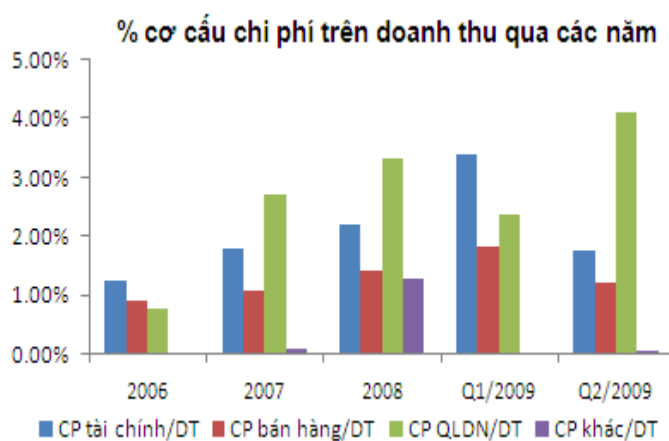
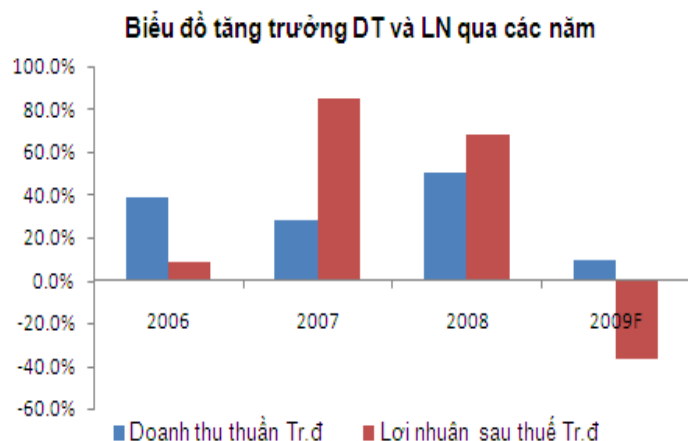
CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH	Đơn vị	2007	2008	Q1/2009
Hệ số khả năng thanh toán				
Vốn lưu động thuần	Tr. đồng	9,409	617,976	413,777
Vốn lưu động thuần/ Tổng TS	lần	0.00	0.08	0.05
Hệ số thanh toán hiện thời	lần	1.00	1.17	1.12
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0.96	1.10	1.06
Chỉ tiêu hiệu quả hoạt động				
Số ngày thu tiền bình quân	ngày	107.39	119.55	413.70
Vòng quay hàng tồn kho	vòng/năm	39.66	30.54	7.66
Vòng trả nợ bình quân	vòng/năm	1.44	1.38	0.28
Số ngày trả nợ bình quân	ngày	253.47	265.02	1293.14
Hệ số tạo doanh thu của TTS	lần	0.83	0.92	4.55
Hệ số tạo doanh thu của TSCĐ	lần	0.24	0.36	2.21
Hệ số tạo doanh thu của TSNH	lần	0.49	0.49	2.08
Hệ số tạo doanh thu của TS khác	lần	0.01	0.00	0.01
Các chỉ tiêu LN hoạt động				
Tỷ suất lợi nhuận gộp trên DT	%	9.4%	10.2%	9.5%
Tỷ suất lợi nhuận HĐ KD trên DT	%	2.0%	1.0%	0.6%
Tỷ suất lợi nhuận ròng trên DT	%	5.5%	6.2%	4.6%
ROA	%	6.5%	5.6%	1.2%
ROE	%	27.9%	23.9%	3.7%
Cơ cấu vốn và rủi ro tài chính				
Tỷ lệ nợ dài hạn trên vốn CSH	%	69.6%	87.3%	104.8%
Tỷ lệ nợ dài hạn trên TTS	%	17.1%	25.4%	31.3%
Tỷ lệ nợ phải trả trên vốn CSH	%	307.9%	243.2%	248.8%
vốn	%	75.5%	70.9%	70.4%
Tỷ lệ VCSH trên tổng nguồn vốn	%	24.5%	29.1%	28.3%
Tỷ lệ tài sản cố định trên TTS	%	29.3%	39.6%	39.6%

- Dịch vụ cơ khí dầu khí:** hoàn tất thi công, hạ thủy và bàn giao 02 Topside BO-C, BO-D (tổng khối lượng khoảng 3,100 tấn) cho chủ đầu tư TML, 01 topside cho mỏ Sông Đốc A của Trường Sơn JOC (600 tấn), 01 tháp đuốc Flare Boom (300 tấn) cho dự án Sư Tử Vàng, thực hiện gói thầu ME8 của dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Đặc biệt trúng thầu các dự án lớn như dự án Premier Oil (360 triệu USD); Tổng thầu EPC dự án Sư Tử Đen Northeast cho Cửu Long JOC (190 triệu USD); Dự án chế tạo 01 Topside 600 tấn cho mỏ Pearl - PCVL...
- Dịch vụ căn cứ cảng:** khai thác an toàn, hiệu quả căn cứ cảng Hạ Lưu Vũng Tàu; Cảng Phú Mỹ đáp ứng cho nhu cầu vận chuyển của nhà máy Đạm Phú Mỹ; Bến cảng số 1 Dung Quất...
- Dịch vụ quản lý và vận hành tàu chứa xuất dầu thô (FSO) và tàu chứa, xử lý và xuất dầu thô (FPSO):** thực hiện tốt công tác quản lý và khai thác FPSO Ruby Princess và đáp ứng yêu cầu của Petronas; Hợp tác với MISC thành lập 02 Liên doanh quản lý và khai thác FSO cho nhà điều hành Talisman tại Malaysia và FPSO cho Petronas Carigali Việt Nam; Tham gia cung cấp FPSO cho Thăng Long JOC tại mỏ Hải Sư Trắng và Hải Sư Đen, FPSO cho Hoàng Long - Hoàn Vũ JOC tại mỏ Tê Giác Trắng, FPSO cho Premier Oil tại mỏ Chim Sáo; Cung cấp dịch vụ vận hành cho FPSO Thái Bình VN.
- Dịch vụ vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng (O&M) các công trình dầu khí:** Ký và hoàn thành trên 100 hợp đồng cung cấp dịch vụ O&M, dịch vụ vận hành bảo dưỡng các FSO/FPSO của Tổng Công ty PTSC và các công ty dầu khí khác; Triển khai cung cấp dịch vụ bảo dưỡng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất. Trong đó, dự án lắp đặt tàu chứa FSO Orkid cho TML trị giá 196.5 tỷ đồng.
- Dịch vụ khảo sát địa chất, địa chấn công trình, khảo sát ROV:** Ký hợp đồng cung ứng dịch vụ quản lý khai thác tàu 2D với PVEP.

Năm 2008 là năm PTSC đạt được doanh thu cao nhất từ khi thành lập đến nay. Trong đó, các dịch vụ chiếm tỷ trọng doanh thu cao nhất là dịch vụ cung ứng tàu biển (38.7%) và dịch vụ cơ khí (26.2%). Về lợi nhuận đạt cao nhất cũng từ 2 loại hình DV trên và DV căn cứ cảng.

Về các chỉ số tài chính 2007 – 2008:

- Khả năng thanh toán:** hiện nay khả năng thanh toán của Công ty vẫn được đảm bảo, trong đó khả năng thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh đều lớn hơn 1.
- Hệ số tạo doanh thu của TTS và TSCĐ** có chiều hướng tăng qua từng năm. Tỷ suất lợi nhuận mặc dù có tăng qua các năm tuy nhiên so với các doanh nghiệp trong ngành dầu khí thì không cao.
- ROE năm 2008 đạt 23.9%,** PTSC là công ty có hiệu quả tương đối khá so với những công ty đang niêm yết trên thị trường
- Cuối năm 2008, tổng nợ phải trả của PVS là 5,656 tỷ đồng, tăng 55% so với năm 2007, và bằng 243% VCSH.



Quan điểm đầu tư

- Tốc độ tăng trưởng doanh thu duy trì được ở mức cao. Lợi nhuận có chiều hướng tăng qua từng năm.
- Là một đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, PTSC luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao và ủng hộ của Tập đoàn trong công tác sản xuất kinh doanh, đặc biệt được có cơ hội tham gia đấu thầu cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí tại Việt Nam. Nhờ vậy Công ty đã ký kết được nhiều dự án lớn.
- PTSC có tình hình tài chính lành mạnh. Dòng tiền khá ổn định qua từng năm
- PTSC có cơ sở vật chất kỹ thuật khá mạnh tại Việt Nam, có năng lực dịch vụ đa ngành và có khả năng thực hiện trọn gói dịch vụ cho các công tác thăm dò, khai thác dầu khí.
- PTSC đã thiết lập được nhiều mối quan hệ hợp tác lâu dài và tin cậy lẫn nhau đối với các đối tác chiến lược mạnh ở nước ngoài để đào tạo, chuyển giao công nghệ và từng bước tham gia, phát triển năng lực dịch vụ trong nước. Mối quan hệ chiến lược với các đối tác đó đã giúp PTSC luôn duy trì, phát triển và đa dạng hóa các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.
- Hiện tại giá dầu thô trên thế giới đang có chiều hướng tăng sẽ làm tăng nhu cầu sử dụng dịch vụ của PTSC.

Quan ngại đầu tư

- Tỷ lệ nợ cao trong khi đó các khoản nợ của công ty chủ yếu vay bằng VND và USD của các tổ chức tín dụng thuộc Tập đoàn PetroVietnam. Do vậy chi phí lãi vay chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí tài chính qua các năm. EBIT trong năm 2008 chỉ bao phủ được hơn 5 lần lãi vay và chỉ bằng 8% tổng số nợ phải trả của Công ty. Điều này sẽ tạo áp lực lớn trong việc trả lãi vay gốc trong quá trình hoạt động SXKD. Đặc biệt là trong thời kỳ công ty đang đẩy mạnh đầu tư mở rộng sản xuất với quy mô lớn nên Công ty sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc tự chủ tài chính.
- Thị trường dịch vụ dầu khí có nhiều biến động, nhiều công ty cùng tham gia cung cấp dịch vụ. Sự cạnh tranh giữa các công ty và nhà thầu cung cấp dịch vụ dầu khí ngày càng quyết liệt trong khi nhà nước chưa có cơ chế và chính sách cụ thể để hỗ trợ phát triển dịch vụ trong nước.
- Khả năng tài chính của PTSC còn hạn hẹp gây rất nhiều khó khăn trong việc đầu tư thực hiện những dự án lớn, thời gian thu hồi vốn kéo dài.

Bảng cân đối kế toán (2006 – Q1/2009)

(Triệu đồng)	2006	2007	2008	Q1/2009
TÀI SẢN NGẮN HẠN	3,225,041	2,821,182	4,243,179	3,840,919
Tiền và các khoản tương đương tiền	2,109,917	929,841	1,047,879	1,414,540
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	3,900	3,900	3,900	3,900
Các khoản phải thu	1,014,607	1,699,501	2,840,413	2,093,984
Hàng tồn kho	83,619	131,897	255,091	218,252
Tài sản ngắn hạn khác	12,998	56,043	95,896	110,243
TÀI SẢN DÀI HẠN	1,444,622	1,991,066	3,738,906	4,564,727
Các khoản phải thu dài hạn	1,012	1,374	283	283
Tài sản cố định	977,534	1,407,781	3,159,590	4,084,139
Tài sản cố định hữu hình	879,454	711,292	1,077,411	1,062,632
Tài sản cố định cho thuê tài chính				
Tài sản cố định vô hình	1,314	2,509	6,233	140,736
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	96,766	693,980	2,075,946	2,880,771
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	382,861	504,755	560,150	452,852
Tài sản dài hạn khác	83,215	77,156	18,883	27,453
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	4,669,663	4,812,248	7,982,085	8,405,646

(Triệu đồng)	2006	2007	2008	Q1/2009
NỢ PHẢI TRẢ	3,633,831	3,632,442	5,656,358	5,921,660
Nợ ngắn hạn	2,892,950	2,811,773	3,625,203	3,427,142
Nợ dài hạn	740,881	820,669	2,031,155	2,494,518
VỐN CHỦ SỞ HỮU	1,035,832	1,179,806	2,325,727	2,380,461
Vốn chủ sở hữu	980,494	1,142,917	2,247,377	2,327,896
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	364,042	1,000,000	1,750,000	1,750,000
Nguồn kinh phí và quỹ khác	55,338	36,889	78,350	156,090
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	103,525
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	4,669,663	4,812,248	7,982,085	8,405,646

Bảng báo cáo lỗ lãi (2006 – Q1/2009)

(Triệu đồng)	2006	2007	2008	Q1/2008	Q1/2009
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	4,497,247	5,775,687	8,671,262	1,235,852	1,847,498
Giá vốn hàng bán	(4,152,806)	(5,230,739)	(7,790,277)	(1,101,034)	(1,671,442)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	344,441	544,948	880,985	134,818	176,056
Chi phí bán hàng	(41,555)	(62,727)	(123,214)	(22,498)	(22,848)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(34,719)	(156,937)	(289,518)	(29,469)	(76,316)
Tổng chi phí HĐKD	(76,274)	(219,664)	(412,732)	(51,967)	(99,164)
Lợi nhuận từ HĐKD (EBIT)	268,167	325,284	468,253	82,852	76,892
Doanh thu hoạt động tài chính	33,420	89,952	169,323	25,034	49,446
Chi phí tài chính	(56,638)	(104,201)	(192,697)	(41,995)	(32,731)
- Trong đó : Chi phí lãi vay	(46,027)	(85,529)	(92,762)	(34,055)	na
Lãi/(lỗ) từ hoạt động tài chính	(23,218)	(14,249)	(23,374)	(16,961)	16,715
Thu nhập khác	6,449	11,794	192,682	2,569	2,592
Chi phí khác	(1,018)	(5,108)	(110,497)	(462)	(1,167)
Lợi nhuận khác	5,431	6,686	82,185	2,107	1,425
Lợi nhuận từ liên doanh-liên kết		1,422	12,798	0	2,679
Lợi nhuận kết toán trước thuế	250,380	319,143	539,862	67,997	97,711
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(77,560)	0	(2,643)		(12,456)
Lợi nhuận sau thuế	172,820	319,143	537,219	67,997	85,255

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VCBS và chỉ nhằm mục đích tham khảo. Các thông tin trong báo cáo được VCBS xem là đáng tin cậy và dựa trên các nguồn thông tin đã công bố ra công chúng được xem là đáng tin cậy. Tuy nhiên, do các nguyên nhân chủ quan và khách quan, ngoài những thông tin về chính Công ty, VCBS không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong báo cáo này. Các ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của VCBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo. VCBS không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và VCBS không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu cung cấp những thông tin khái quát. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Vì vậy VCBS không chịu trách nhiệm nào về những kết quả ngoài ý muốn khi quý khách sử dụng các thông tin trên để kinh doanh chứng khoán.

Báo cáo này thuộc bản quyền của VCBS, không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VCBS. Xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn các thông tin trong báo cáo này.

Vietcombank Securities

Hội sở chính

Tầng 17, Tòa nhà Vietcombank, 198 đường Trần Quang Khải
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Website: www.vCBS.com.vn
Điện thoại: 84-4-39366426
Fax: 84-4-39360262

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 1, Tòa nhà Green Star, 70 đường Phạm Ngọc Thạch,
Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 84-8-38208116
Fax: 84-8-38208117

Chi nhánh Đà Nẵng

Lầu 2, 10 đường Hải Phòng, Quận Hải Châu,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 84-511-3888991
Fax: 84-511-3888881